

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng CTCP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Ngày 31/12/2025	20,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-1.0%	3.4%

DT thuần Q4/25
204
tỷ VNĐ
QoQ: ▼289 -58.6%
YoY: ▼128 -38.6%

LN thuần Q4/25
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/25
0
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025
42.8%
YoY: +/-▲ 42.8%

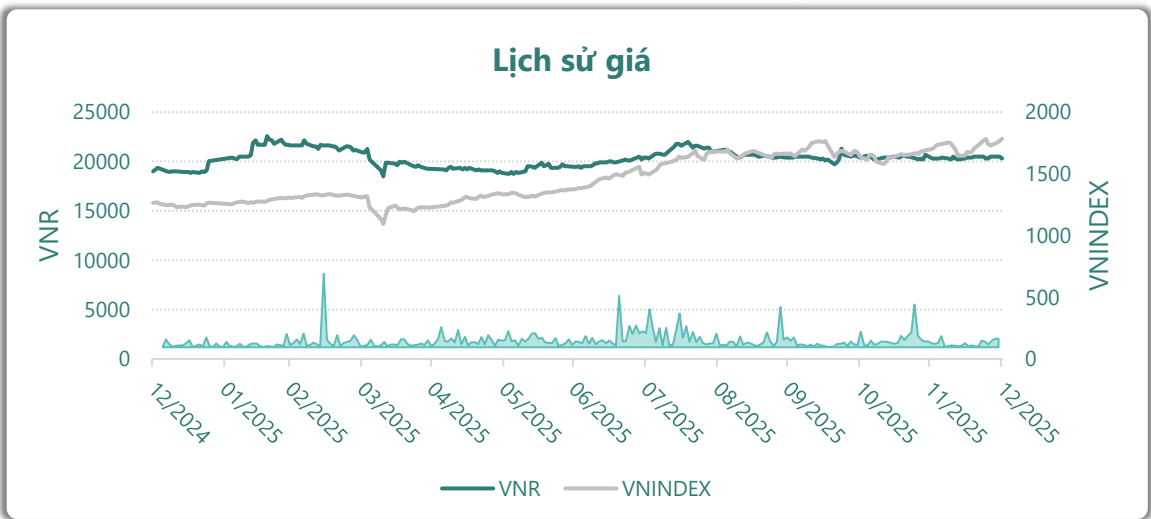
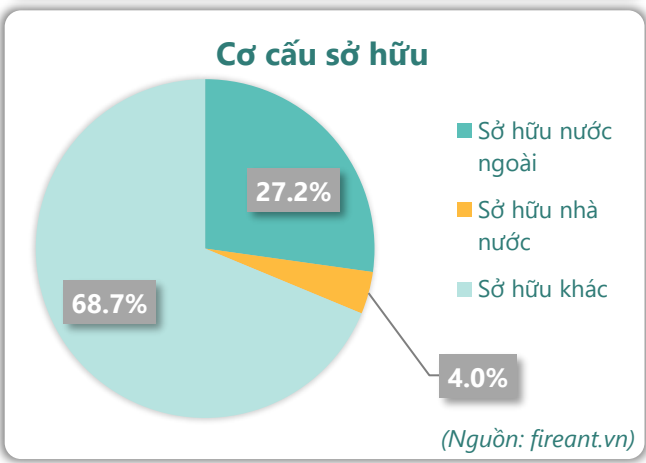
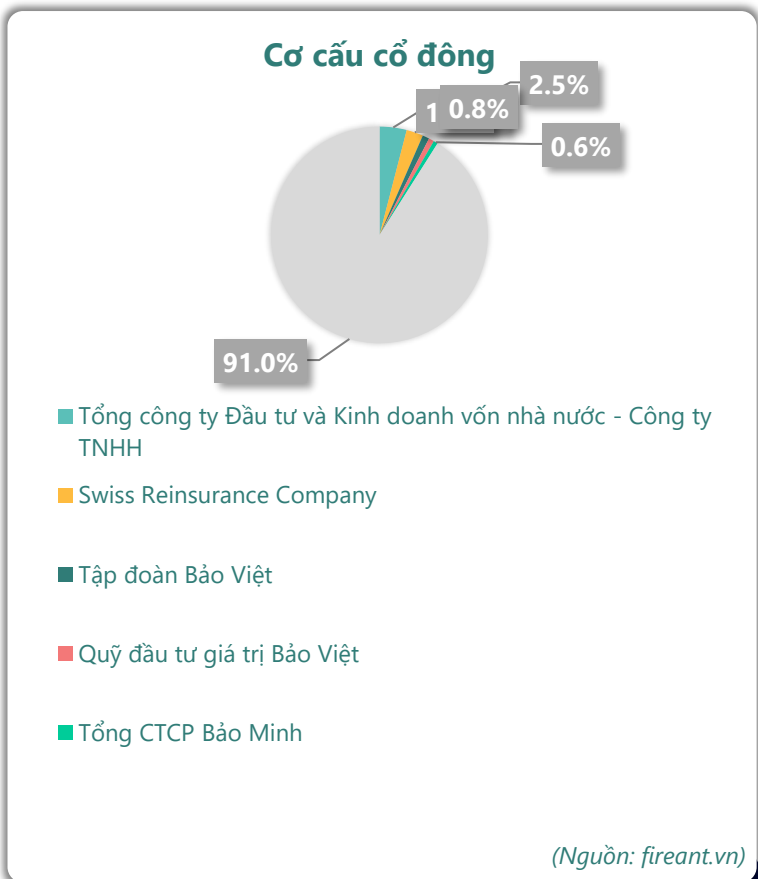
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	18,491 - 22,571
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,420
Sở hữu nước ngoài	27.2%
Beta	0.24
EPS	
P/E	

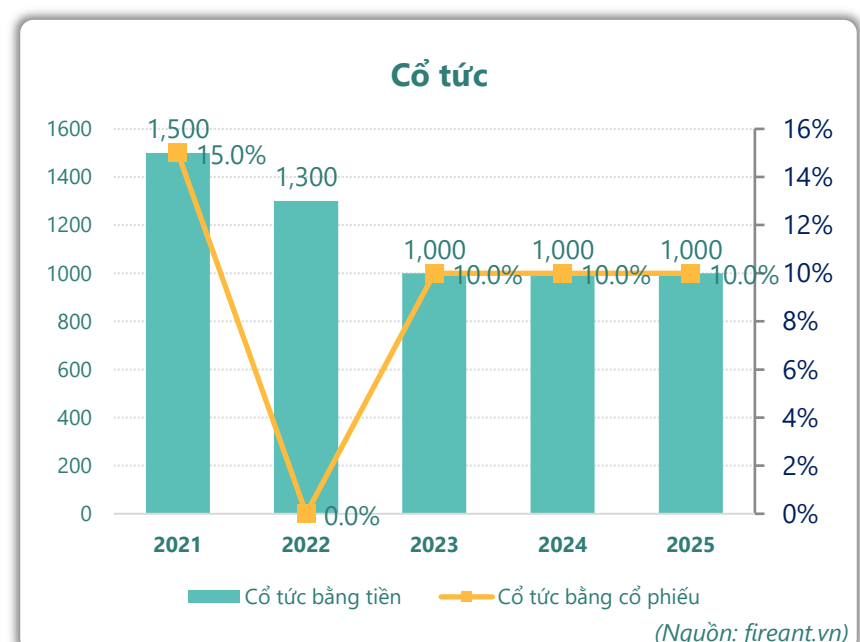
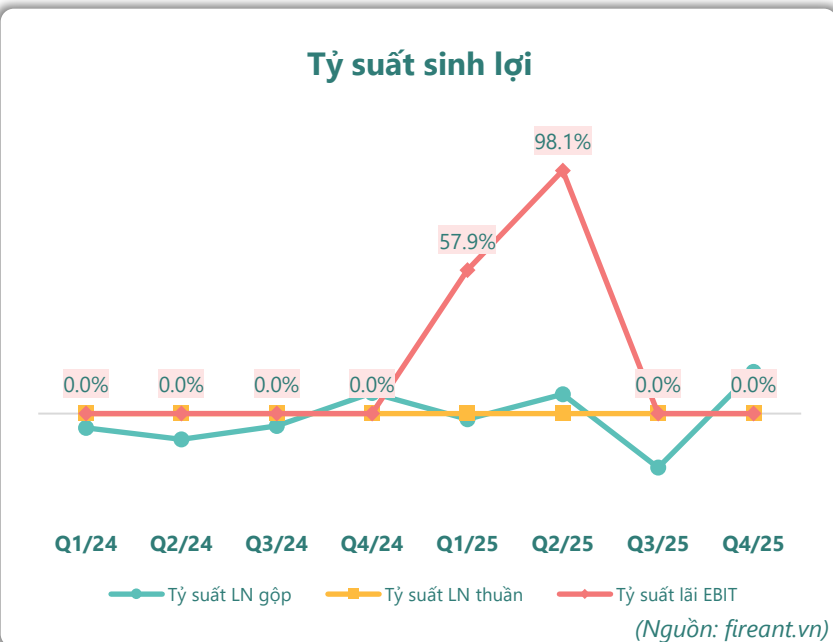
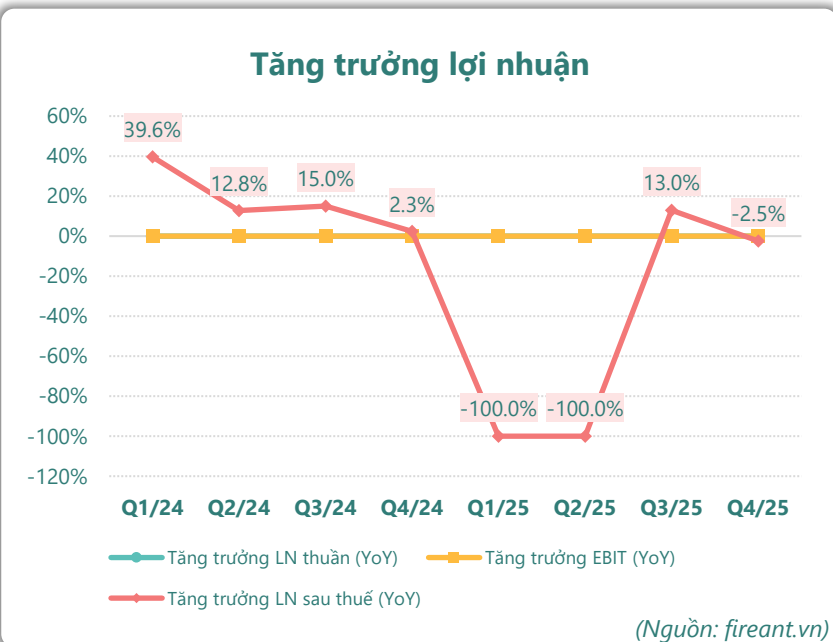
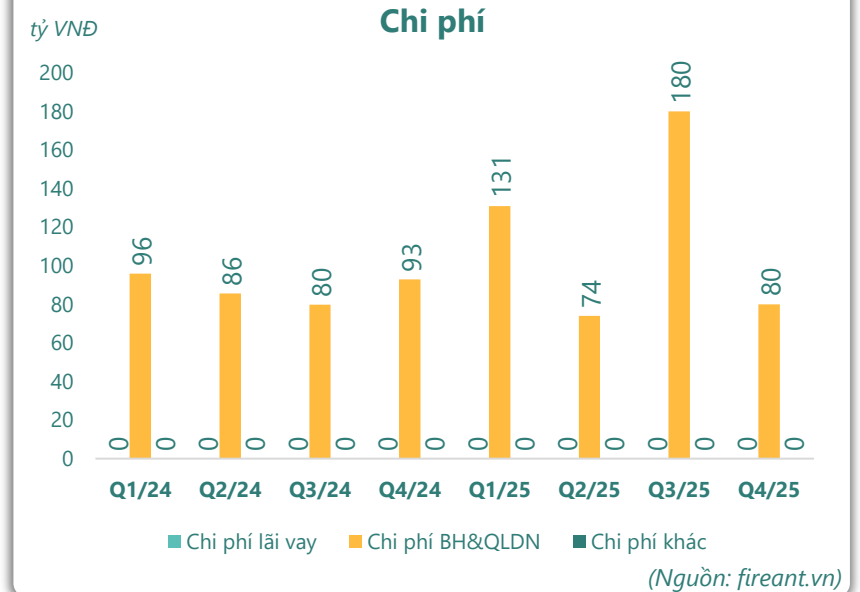
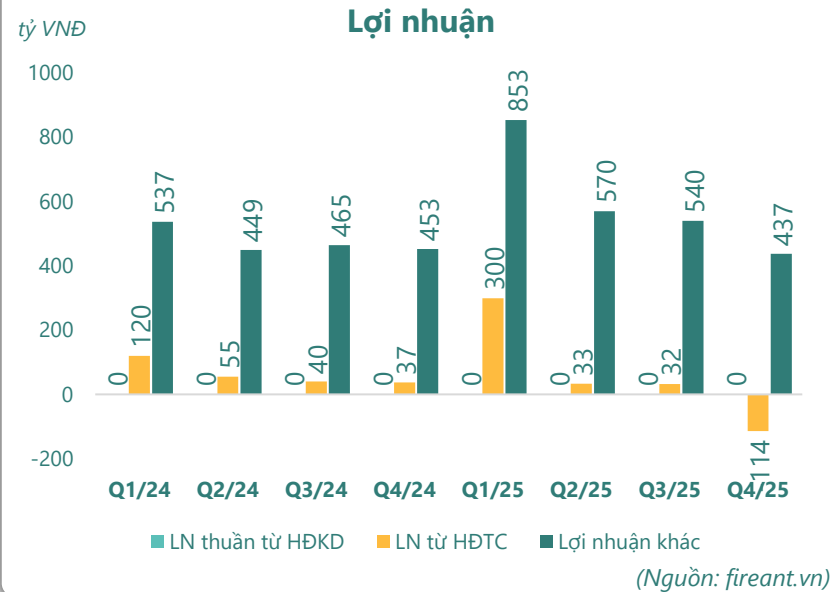
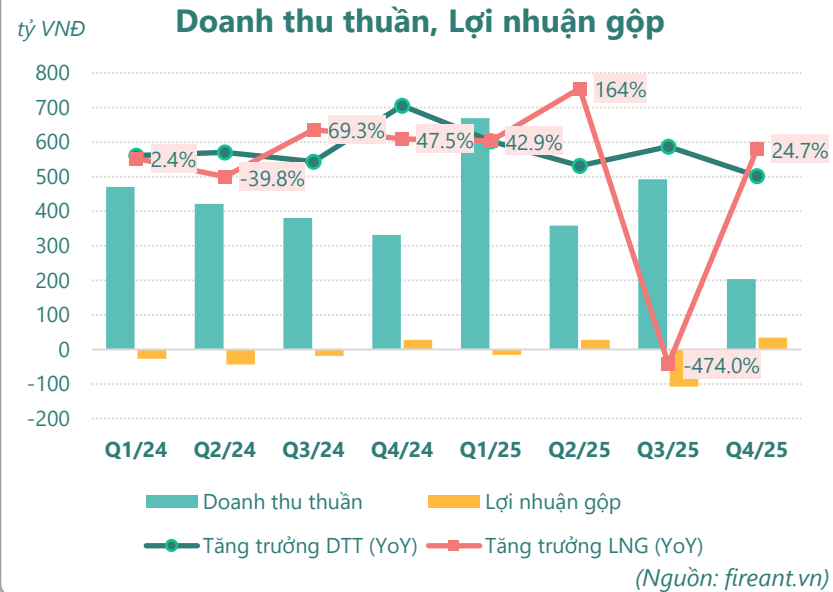
DT thuần 2025
1,724
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 120 7.5%

LN thuần 2025
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế 2025
0
tỷ VNĐ



KẾT QUẢ KINH DOANH

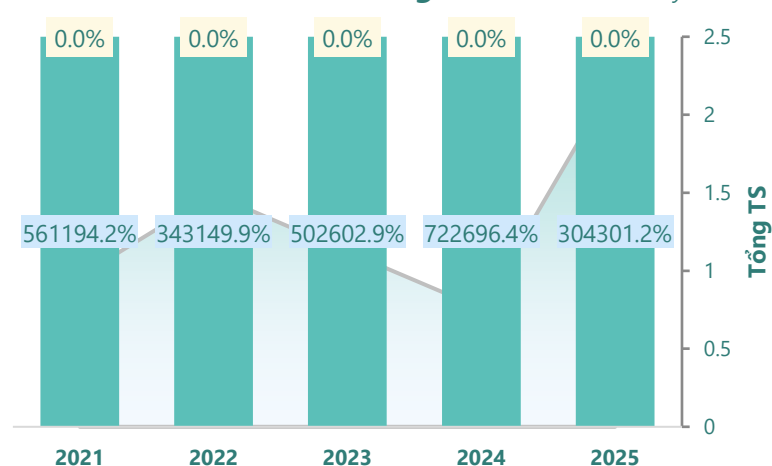




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

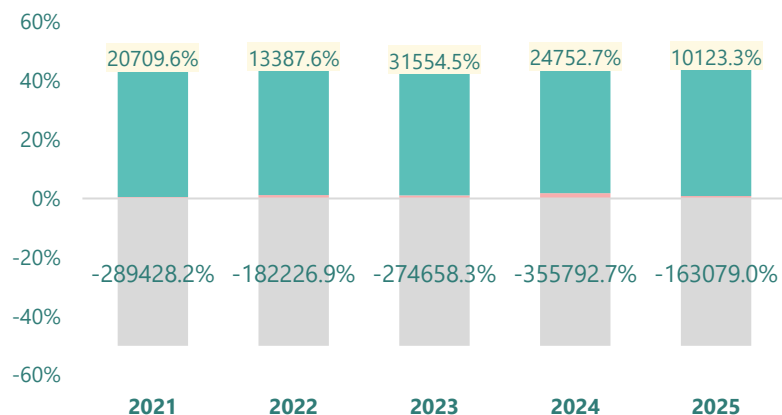
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

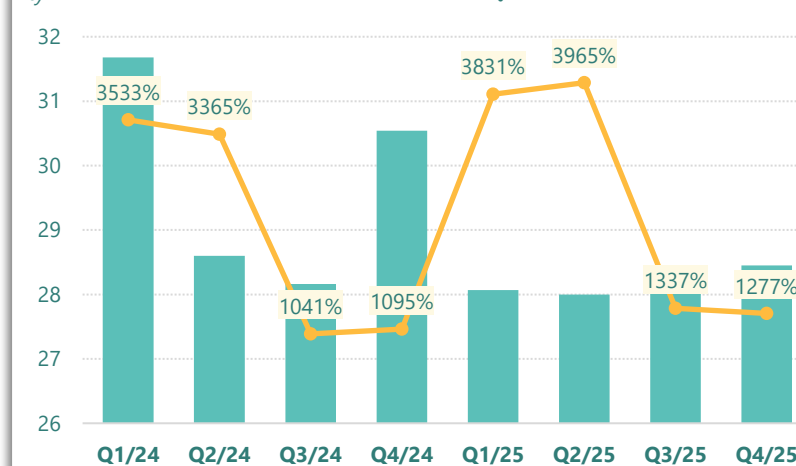


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

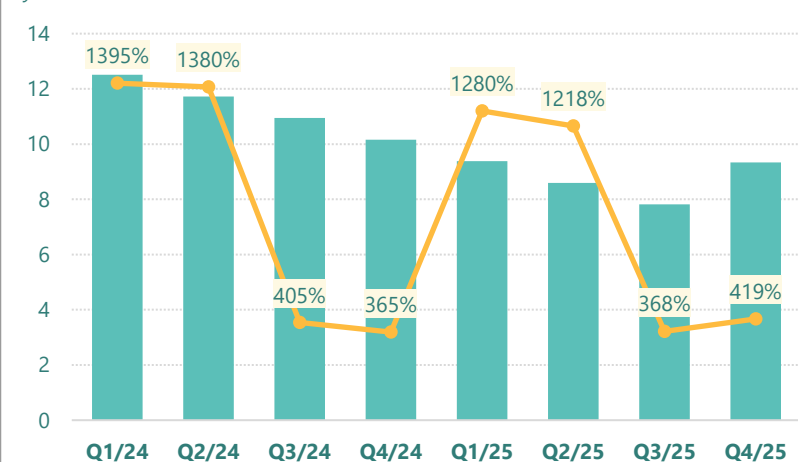


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

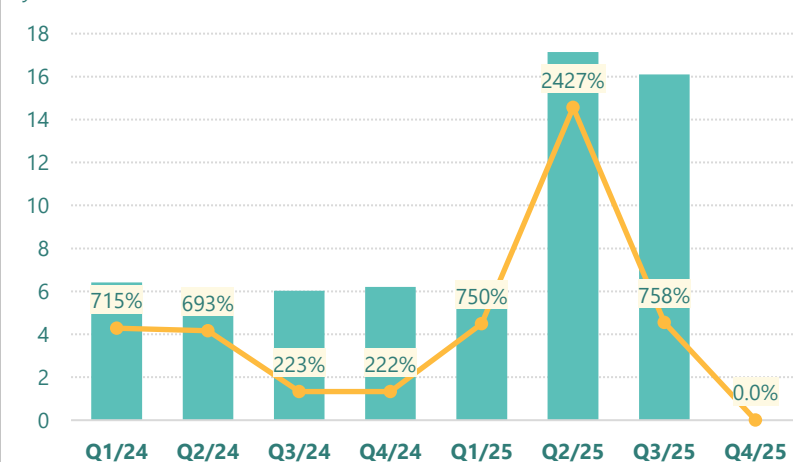


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

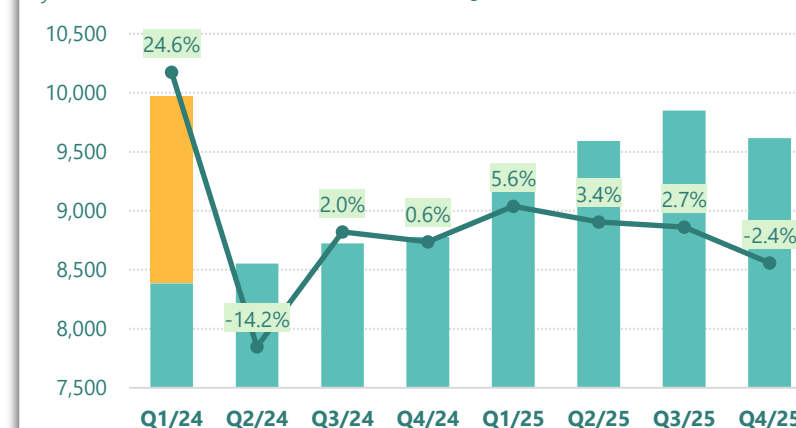


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

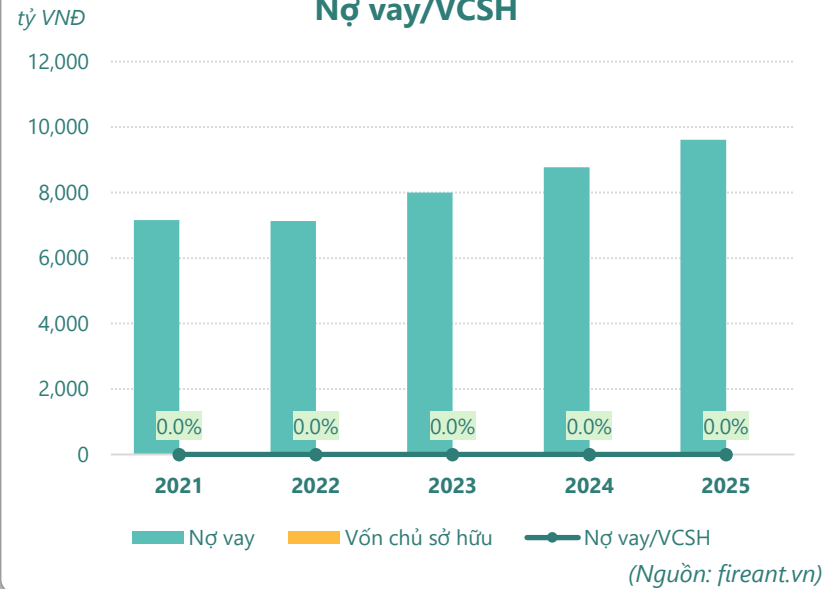
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

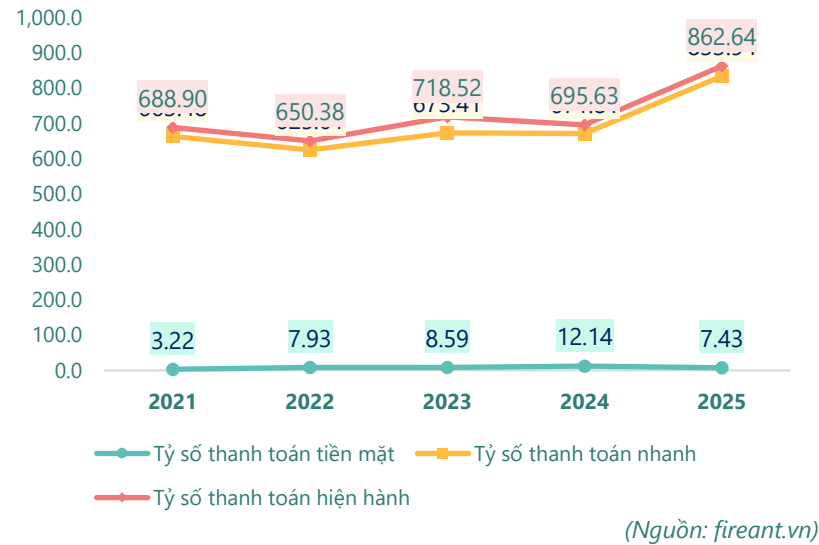


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

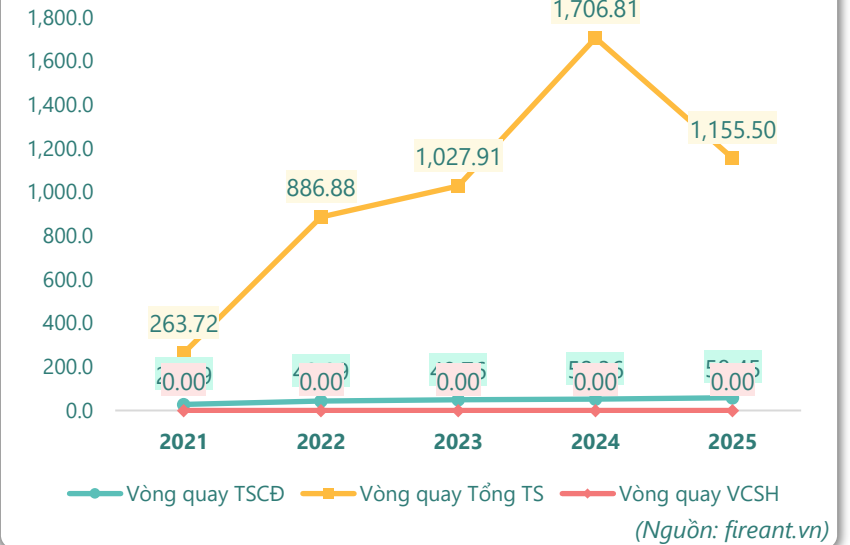
Nợ vay/VCSH



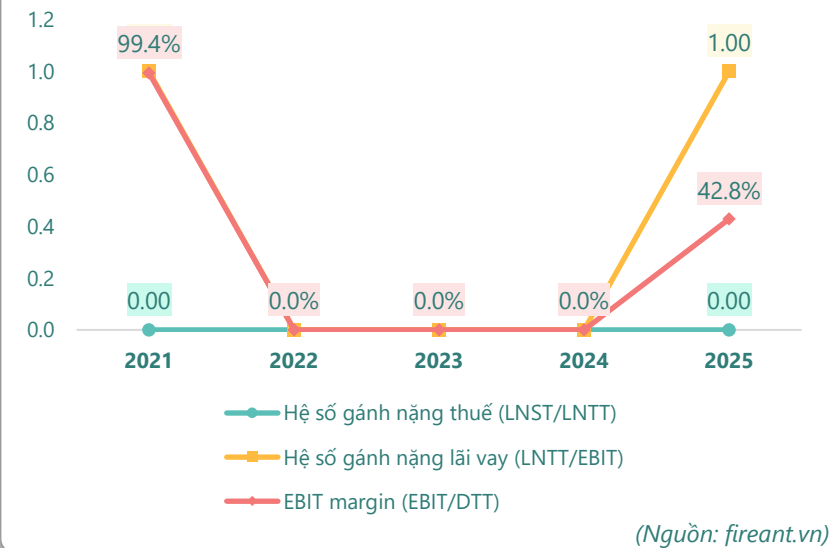
Chỉ số thanh khoản



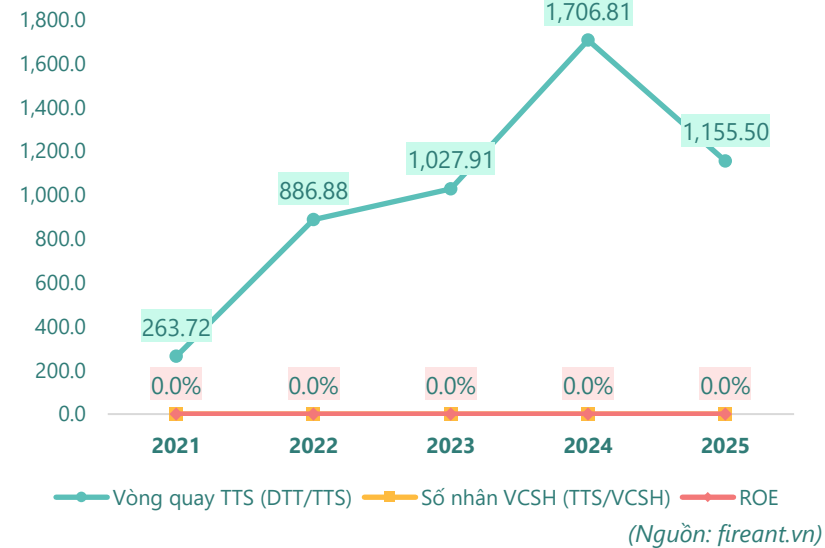
Vòng quay tài sản



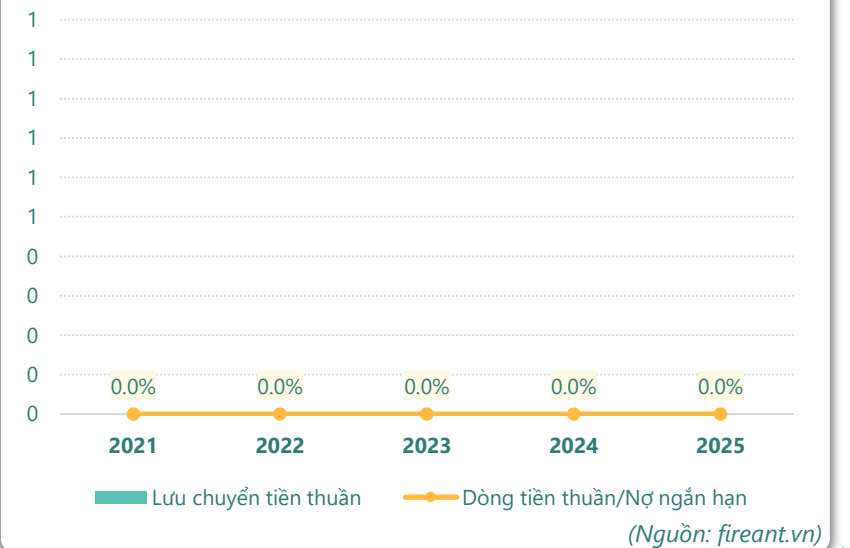
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	204	332	-38.6%	1,724	1,604	7.5%
Giá vốn hàng bán	284	267	6.3%	1,534	1,413	8.6%
Lợi nhuận gộp	34.4	27.6	24.5%	-60.3	-61.8	2.3%
Doanh thu HĐTC	-114	36.8	-411%	250	253	-1.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	77.1	88.6	-13.0%	435	326	33.2%
Chi phí QLDN	2.95	4.30	-31.3%	30.5	28.0	8.7%
LN thuần từ HĐKD	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận khác	437	453	-3.5%	2,401	1,903	26.2%
LN trước thuế	0	0.00		739	0	
Lợi nhuận sau thuế	0	0.00		0	0	
LNST của CĐ cty mẹ	101	121	-16.4%	679	572	18.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	135	77.6	95.4	51.1	135	99.0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	99.0	95.4	51.1	135	99.0	58.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2.23	0.76	195%
Tài sản ngắn hạn	6,779	5,467	24.0%
Tiền và tương đương tiền	58.4	95.4	-38.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3,351	2,409	39.1%
Hàng tồn kho	226	187	20.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.05	5.6%
Tài sản dài hạn	0	0	
Phải thu dài hạn	1.54	1.09	41.1%
Tài sản cố định	28.5	30.5	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.34	10.2	-8.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	6.20	-100%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	11.3	11.3	0.1%
Nợ phải trả	0	0	
Nợ ngắn hạn	7.86	7.86	0.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9,616	8,778	9.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,392	4,804	12.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	4,188	3,940	6.3%
Kinh phí và quỹ khác	34.2	29.1	17.9%

(Nguồn: fireant.vn)

